

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	0.6%	152.8%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	23.1%	-	-6.3%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	31.8%	-	1.0%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	11.2%	179.8%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	16.6%	-	14.6%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	3.0%	37.5%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	12.9%	29.5%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	118.6%	145.2%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	10.3%	78.3%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	68.8%	196.1%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	15.4%	-	123.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	19.7%	52.2%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	16.2%	50.2%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	8.3%	78.4%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	3.9%	-	17.0%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	2.5%	-	41.7%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
TNG	24/08/21	27,500 - 29,000	38,000	26,000	1:3	6.9%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	13.2%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	11.1%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	31.4%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	12.1%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	52.7%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	57.8%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	24.3%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	22.3%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	58.8%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-17.5%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	13.0%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	39.5%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	27.1%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	20.7%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	45.4%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	29.0%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-4.0%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-14.4%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	1.1%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	3.4%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	-7.7%

TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	77.4%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	6.3%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	45.7%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	20.0%
SAM	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	-2.9%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	3.4%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	42.1%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	10.5%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	66.5%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	98.5%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	187.9%
DRI*	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	167.7%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500
CEO	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900
PVD	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường mở cửa tích cực, chuyển thành đi ngang trong phần còn lại của buổi sáng, tăng khi bước vào đầu buổi chiều nhưng sau đó nhanh chóng suy yếu và cuối cùng đóng cửa giảm nhẹ.

Tương quan tăng giảm nghiêng về phía giảm trên toàn thị trường cũng như trong các nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, nhưng cân bằng ở trong nhóm VN30. Nhóm Ngân hàng với những cái tên như VCB, VIB, TCB, MBB... là nhóm tác động tích cực nhất đến VNINDEX, trong khi ở chiều ngược lại là GAS, GVR, VHM, MSN, HPG...

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 20/09/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và sát mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày cao hơn ngày liền trước và cao hơn trung bình.

⇒ Lực mua giá cao suy yếu và lực bán giá thấp gia tăng về cuối ngày là những yếu tố chủ đạo tạo nên diễn biến của thị trường trong ngày, dù vậy thì ở vùng điểm xung quanh tham chiếu vẫn có thể thấy được lực mua giá thấp hấp thụ lực bán. Các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có ngày giao dịch kém tích cực trong khi nhóm vốn hóa lớn (mà tiêu biểu là các Ngân hàng) thể hiện vai trò hỗ trợ cho chỉ số chung. Tỷ trọng giá trị giao dịch của nhóm Ngân hàng gia tăng tạo áp lực hút bớt dòng tiền từ phần còn lại của thị trường.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200
	1,290 – 1,310
Kháng cự	1,350 – 1,380
	1,420

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS

Ngân hàng TMCP Tiên Phong – TPB VN

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank – TPB) vừa thông báo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Theo đó, ngân hàng đã bán thành công 100 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước, tương ứng với 100% tổng số cổ phiếu chào bán. Giá bán thành công là 33.000 đồng/cp. Theo đó, ngân hàng thu về được 3.300 tỷ đồng từ đợt phát hành. Tổng chi phí (đã bao gồm VAT) là 18,15 tỷ đồng. Tổng thu ròng là 3.281,85 tỷ đồng.

Trong đó, Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (TCD) là nhà đầu tư lớn nhất trong đợt phát hành của TPB khi mua vào 29 triệu cp, từ đó cùng với người liên quan sở hữu 2,56% vốn cổ phần ngân hàng. Ngoài ra, một nhà đầu tư tổ chức khác cũng tham gia là Công ty Cổ phần Bamboo Capital, đã mua 1 triệu cp TPB. Sau giao dịch, Bamboo Capital (BCG) và người có liên quan sở hữu 2,56% vốn cổ phần TPBank.

CTCP Dược phẩm Imexpharm – IMP VN

Dược phẩm Imexpharm (IMP) vừa công bố tình hình kinh doanh tháng 8/2021. Ghi nhận, doanh thu thuần và thu nhập trong tháng của Imexpharm đạt 94,1 tỷ đồng, giảm 11,8% so với tháng 8/2020. Trong khi đó, nếu chỉ tính doanh thu thuần của Công ty là 93,8 tỷ, giảm 11,9%. Khấu trừ chi phí, lợi nhuận trước thuế đạt 17,2 tỷ đồng, giảm 14,4% so với cùng kỳ.

CTCP Hưng Thịnh Incons – HTN VN

CTCP Hưng Thịnh Incons (Hưng Thịnh Incons, Mã: HTN) vừa công bố tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2021. Theo kế hoạch, tại Đại hội diễn ra tới đây, HĐQT Hưng Thịnh Incons sẽ trình cổ đông thông qua phương án phát hành 39,6 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 80% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Tổng giá trị phát hành dự kiến hơn 396 tỷ đồng. Ngoài ra, HĐQT công ty cũng sẽ trình thông qua phương án phát hành tối đa 25 triệu cổ phiếu riêng lẻ, nhằm bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Thời gian dự kiến chào bán trong năm 2022 sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
TIG	HNX	Giao dịch đầu tiên 9.091.530 cổ phiếu niêm yết bổ sung			21/09/2021
ARM	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (550 đ/cp)	21/09/2021	22/09/2021	22/10/2021
VCG	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)	21/09/2021	22/09/2021	22/10/2021
LHC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021
NAG	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 5%)	21/09/2021	22/09/2021	21/09/2021
VFC	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	21/09/2021	22/09/2021	21/09/2021
ALT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700 đ/cp)	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021
LBM	HSX	Tạm ứng cổ tức bằng tiền lần 1 năm 2021 (1.500 đ/cp)	21/09/2021	22/09/2021	8/10/2021
VSF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	21/09/2021	22/09/2021	21/09/2021
VGC	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)	21/09/2021	22/09/2021	22/10/2021
SBH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.980đ/cp)	21/09/2021	22/09/2021	12/10/2021
PPC	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2020 (1.250 đ/cp), tham dự ĐHĐCĐ bất thường 2021	21/09/2021	22/09/2021	22/10/2021
PVE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	21/09/2021	22/09/2021	21/09/2021
ASG	HNX	Hủy giao dịch 75.653.891 cp để chuyển sang giao dịch bên HO			21/09/2021
STP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	21/09/2021	22/09/2021	11/10/2021

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

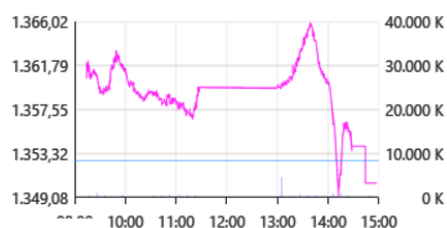
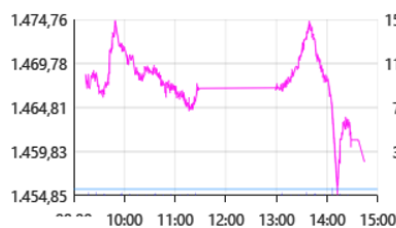
(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

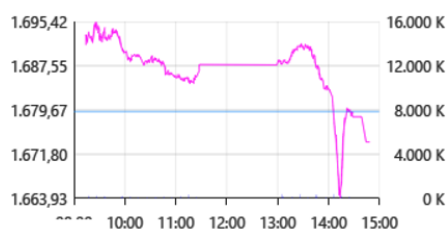
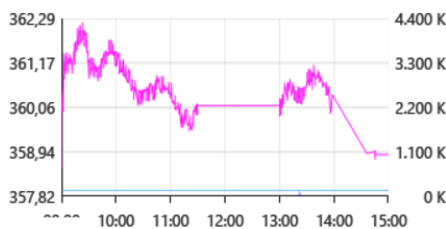
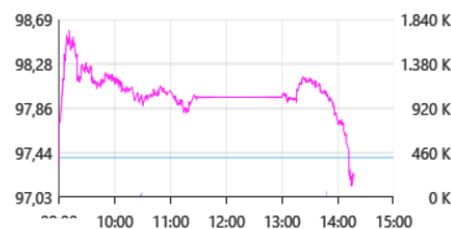
Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC
BIẾN ĐỘNG NGÀY

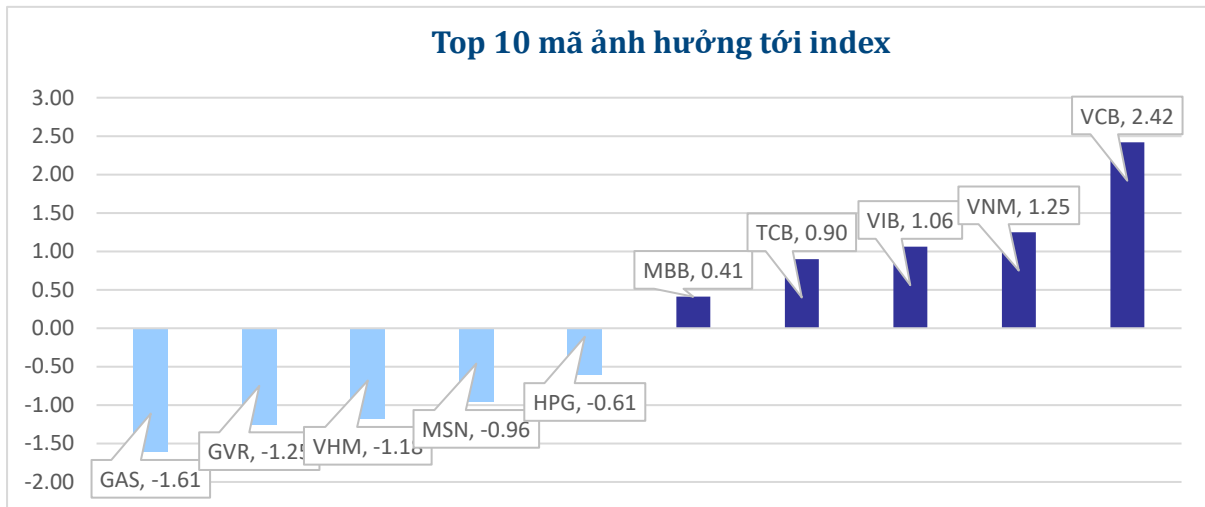
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,350.48	-0.16%	-2.16	895.46	24,533.0	197	29	234
Vn30 - Index	1,458.66	0.21%	3.07	196.37	9,683.6	13	2	15
Vn - Mid	1,708.73	-0.02%	-0.38	319.53	8,575.1	23	4	43
VN - Small	1,673.98	-0.32%	-5.41	260.65	4,595.6	84	10	99
HNX - Index	358.87	0.25%	0.90	184.30	3,666.3	131	44	162
Upcom - Index	97.24	-0.16%	-0.16	119.38	2,217.5	173	67	143

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY
VN-INDEX

VN30

VN-MID

VN-SMALL

HNX-INDEX

UPCOM

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	24,533.00	-5.44%	895.46	5.00%
HNX	3,666.30	-7.71%	184.30	8.39%

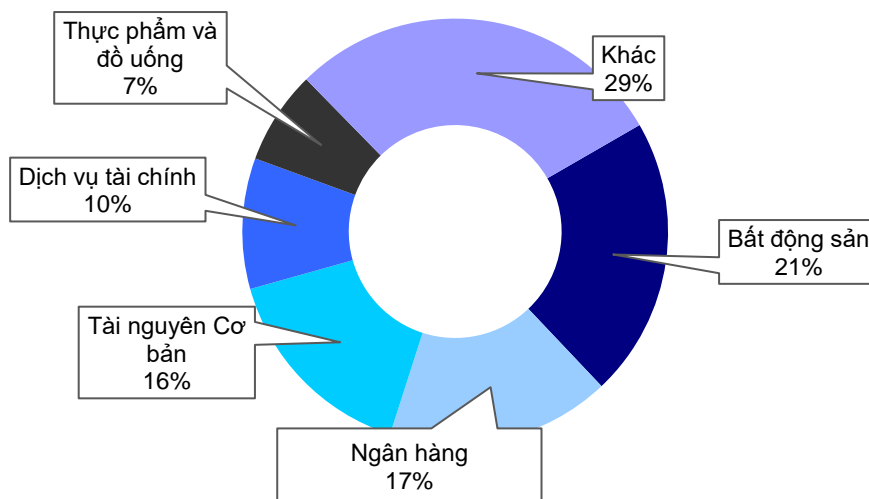
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
ITA	38.11	HPG	1,675.8	VIB	470%	APG	6.9%	DIG	-6.0%
HQC	32.82	HSG	989.2	OCB	360%	ITA	6.9%	DRC	-5.7%
HPG	32.33	TCB	666.8	PVD	241%	VIB	6.9%	TLH	-4.9%
SCR	23.29	VPB	553.3	LPB	218%	HQC	6.4%	HAH	-4.4%
HSG	21.36	PVS	527.2	GAS	203%	LPB	4.7%	FRT	-4.3%

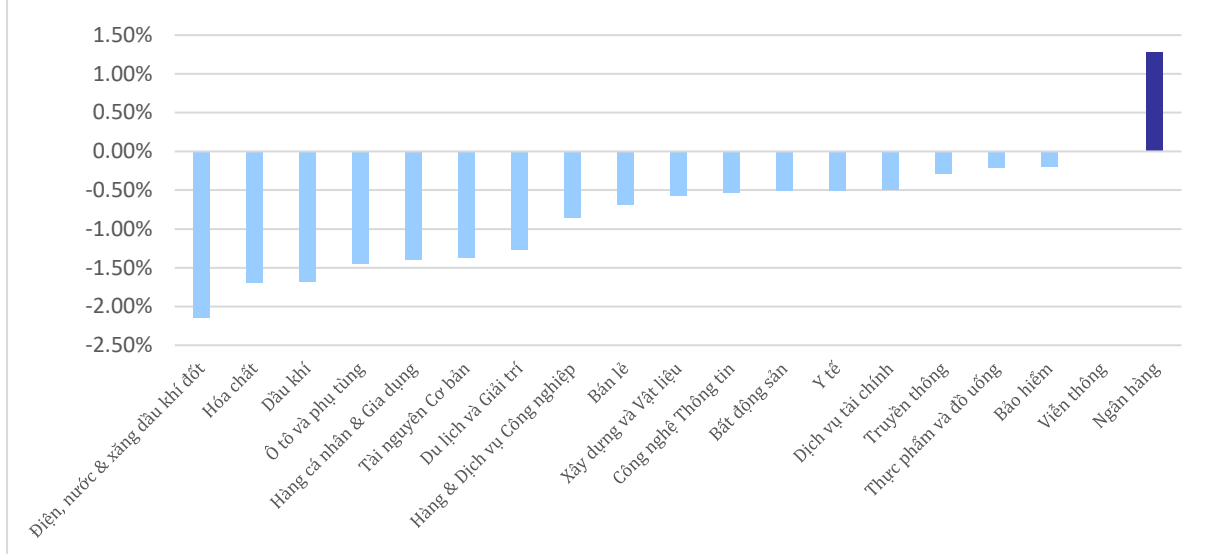
NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày





Biến động các nhóm ngành trong ngày

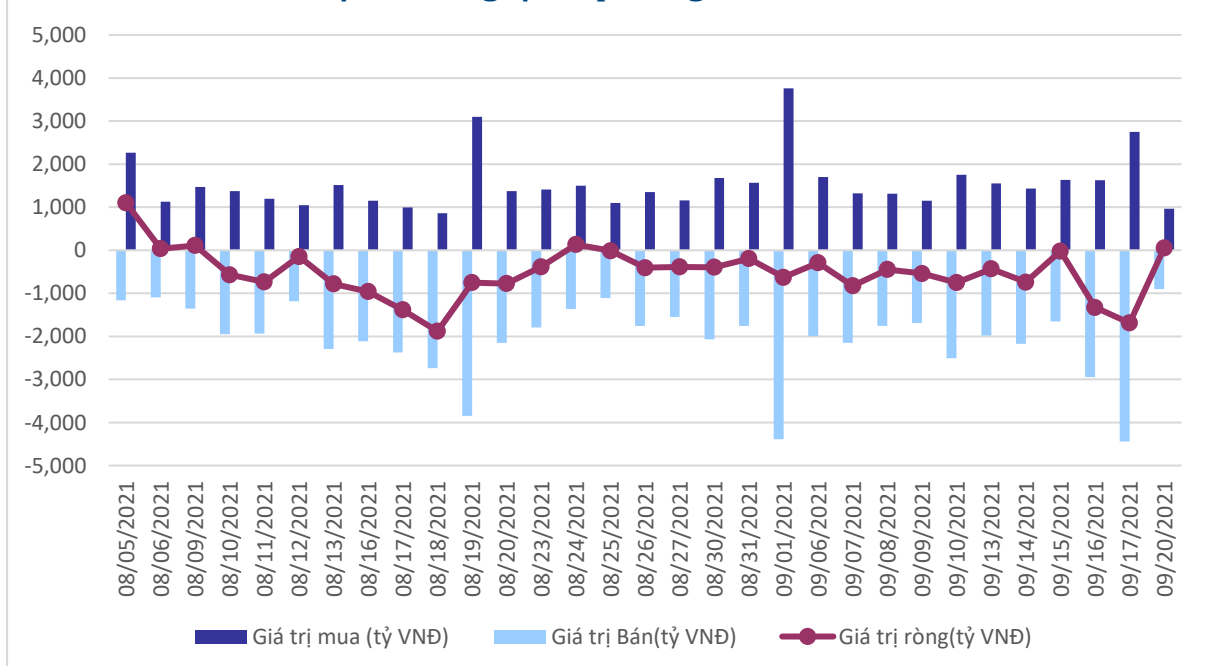


GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 56.32 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 26.71 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VCB	111.15	VIC	163.45
VNM	93.99	NVL	43.95
MBB	71.20	HSG	36.69
STB	66.03	DGC	26.40
VCI	62.11	NKG	20.23

Giao dịch khối ngoại 30 phiên gần nhất trên HOSE





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: www.ivs.com.vn		